

17. MẠNH KHÔNG : Điểm giữa lông mày trái.

*Chữa* : Nhức đầu.

18. MẠNH NHĨ : bờ sau xương chũm.

*Chữa* : Điếc tai.

19. MẠNH THẾ : Điểm giữa cung gò má bên phải.

*Chữa* : Tay bị run, múa vờn.

20. NHỊ TUẾ : Đuôi lông mày phải.

*Chữa* : Nhức đầu.

21. NGŨ THỐN : Giao điểm bờ cơ hai (gáy) với đường ngang qua đốt sống C.7.

*Chữa* : Nhức đầu, ù tai, cứng cổ, máu tụ đỉnh đầu.

22. TAM HUYỀN HỮU : Như Tam Huyền Tả, nhưng ở bên phải.

23. TAM HUYỀN TẢ : Điểm lõm ngoài cánh mũi trái.

*Chữa* : Giật mắt, méo miệng, hắt hơi nhiều, nhức đầu, ngất.

24. THỐN CHUNG : Cách mép miệng phía ngoài khoảng 1 cm.

*Chữa* : Méo miệng.

25. THUNG NHĨ : Phía trên rãnh vành tai sau.

*Chữa* : Mí mắt liệt không mở được.

26. THỤ CỘT HỒI SINH : Chạy suốt dọc hai bờ cơ thang (gáy) xuống tới xương bả vai.

*Công năng* : Rất quan trọng trong cấp cứu hồi sinh,

27. UNG HƯƠNG : Chính giữa khe đốt sống cổ C.4, C.5.

*Chữa* : ù tai, cổ cứng, đau đầu, máu tụ đỉnh đầu.

28. VŨ HẢI : Đầu lông mày phải.

*Chữa* : Nhức đầu.

29. XÀNG LÂM : nằm trên rãnh bờ cơ thang (gáy) nơi tiếp giáp khớp sống C.2, C.3.

*Chữa* : ù tai.

B. — CÁC VỊ TRÍ TRÊN PHẦN VAI, LƯNG, NGỰC :